

GS. TS. ĐỖ HỮU CHÂU – PGS. TS. BÙI MINH TOÁN

Đại cương  
NGÔN NGỮ HỌC

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

GS. TS. ĐỖ HỮU CHÂU (*Chủ biên*)  
PGS. TS. BÙI MINH TOÁN

# ĐẠI CƯƠNG NGÔN NGỮ HỌC

TẬP MỘT

*(Tái bản lần thứ tư)*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

## LỜI NÓI ĐẦU

Xuất bản năm 1993, cuốn **Đại cương ngôn ngữ học** của chúng tôi đã thực sự là một tài liệu tham khảo đủ tin cậy và hữu ích cho sinh viên các khoa Ngữ văn, Ngôn ngữ, Ngoại ngữ các trường đại học và các học viên trên đại học ngành Ngôn ngữ học. Đặc biệt, phần **Dụng học** của cuốn sách, lần đầu tiên cung cấp một cái nhìn toàn cảnh với những tri thức tuy ngắn gọn nhưng có hiệu lực đặt vấn đề, định hướng về chuyên ngành này, đã góp phần hết sức tích cực vào việc mở ra một lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ, hấp dẫn cho Việt ngữ học.

Mặc dầu tên gọi vẫn giữ nguyên nhưng nội dung của cuốn **Đại cương ngôn ngữ học** trong lần xuất bản này đã đổi mới về cơ bản. Ngoài những bổ sung cục bộ, cuốn sách có thêm những nội dung mới như ngữ nghĩa tạo sinh, ngữ pháp chức năng và những quan hệ chức năng trong ngôn ngữ, những nội dung mà theo chúng tôi nghĩ đang được giới ngôn ngữ học Việt Nam quan tâm nhiều. Riêng phần **Ngữ dụng học**, được viết một mặt nhằm trình bày một cách chi tiết, đầy đủ, cập nhật hóa tri thức, phương pháp và các vấn đề của chuyên ngành này đang đặt ra cho ngôn ngữ học thế giới, một mặt nhằm giới thiệu tổng quát những thành tựu nghiên cứu ngữ dụng học ở Việt Nam trong khoảng 15 năm qua, mặt khác để trao đổi với các đồng nghiệp về cách hiểu một số khái niệm ngữ dụng học then chốt, đã được viết lại hầu như hoàn toàn mới.

Đ. 058  
3.209.2

Vì sự đổi mới nói trên mà chúng tôi buộc phải tăng số trang cho cuốn sách, tách thành hai tập, tập một dành cho các phần : **Những vấn đề đại cương về ngữ pháp, Các trường phái cấu trúc luận cổ điển** (PGS.TS Bùi Minh Toán biên soạn), **Ngữ pháp tạo sinh, Ngữ pháp chức năng và Các quan hệ chức năng** (GS. TS. Đỗ Hữu Châu biên soạn). Tập hai dành riêng cho **Ngữ dụng học**.

Việt ngữ học hiện đang phát triển mạnh mẽ. Hi vọng rằng với sự đổi mới nói trên, cuốn sách của chúng tôi sẽ đáp ứng được những đòi hỏi về mặt lí luận của sự phát triển của Việt ngữ học trong khi những cuốn chuyên luận kĩ hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về từng quan điểm, từng trường phái của ngôn ngữ học thế giới lẽ ra phải có chưa ra mắt bạn đọc.

Mặc dầu đã cố gắng nhiều nhưng chắc chắn cuốn sách không khỏi còn có chỗ bất cập. Rất mong được các bạn đọc, các nhà ngôn ngữ học Việt Nam chỉ giáo để các tác giả sửa chữa.

Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2001

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

# NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẠI CƯƠNG VỀ NGỮ PHÁP

## CHƯƠNG I

### CÁC CẤP ĐỘ NGÔN NGỮ VÀ NGỮ PHÁP HỌC

#### I – CÁC CẤP ĐỘ NGÔN NGỮ

1. Chúng ta đã biết rằng ngôn ngữ là một hệ thống bao gồm nhiều cấp độ khác nhau. Mỗi cấp độ là một hệ thống nhỏ trong lòng ngôn ngữ, được hình thành do những yếu tố (hay đơn vị) đồng nhất với nhau về thể chất, về chức năng và về quan hệ (tức nằm trong một cấu trúc đồng nhất). Chúng ta cũng đã biết có nhiều cách chia khác nhau các cấp độ của ngôn ngữ. Tuy nhiên, cách chia được nhiều nhà ngôn ngữ học chấp nhận là cách chia ngôn ngữ thành các cấp độ sau đây :

- Cấp độ ngữ âm – âm vị
- Cấp độ hình vị
- Cấp độ từ vựng (cấp độ từ)
- Cấp độ câu

Cấp độ ngữ âm – âm vị là cấp độ gồm các đơn vị một mặt (âm tố – âm vị ; âm tiết). Một mặt có nghĩa là chỉ có hình thức âm thanh mà tự mỗi âm thanh đó chưa có ý nghĩa. Các đơn vị này chỉ có chức năng khu biệt ý nghĩa của các đơn vị thuộc cấp độ cao hơn

và chức năng tạo nên cái vỏ cảm tính (âm thanh) cho những đơn vị thuộc cấp độ cao hơn này.

Cấp độ *hình vị* là cấp độ của các hình vị. Đó là các đơn vị hai mặt, nghĩa là có hình thức âm thanh và có ý nghĩa nhưng tự mình chưa có chức năng kết hợp trực tiếp với nhau thành câu. Chức năng của các hình vị này về cơ bản là chức năng cấu tạo từ. Chúng là những đơn vị có nghĩa nhỏ nhất có thể kết hợp với nhau để tạo các từ.

Cấp độ *từ vựng* là cấp độ gồm các đơn vị thường được gọi là từ. Đó là những đơn vị hai mặt, có hình thức âm thanh, có ý nghĩa và có khả năng trực tiếp kết hợp với nhau để tạo thành các câu cụ thể, gặp trong khi nói và viết<sup>(1)</sup>.

Trừ cấp độ ngữ âm - âm vị, các cấp độ gồm các đơn vị hai mặt (cấp độ hình vị, cấp độ từ vựng), ở những phương diện nhất định mà chúng ta sẽ biết ngay dưới đây (x. mục II chương này) đều là đối tượng của ngữ pháp học. Tuy vậy, có quan hệ trực tiếp với ngữ pháp học là cấp độ câu. Bởi vậy cấp độ này cần được trình bày rõ thêm.

2. Cấp độ *câu* là cấp độ của các đơn vị thường được gọi là câu. Đó là các đơn vị cũng có hai mặt, do các từ kết hợp với nhau trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Trong những hoàn cảnh đó, câu có chức năng làm cơ sở để ngôn ngữ thực hiện chức năng thông báo<sup>(2)</sup>. Nên lưu ý, câu với tư cách là đơn vị làm cơ sở để ngôn ngữ thực hiện chức năng thông báo có thể được xét về hai mặt : thứ nhất, xét về các từ cụ thể kết hợp với nhau trong một hoàn

---

(1) Cách hiểu về các cấp độ như trên chỉ đề cập đến những đặc trưng chung nhất, tiêu biểu nhất.

(2) Đây chỉ là một trong những chức năng quan trọng của câu. Ở phần *Ngữ dụng học* dưới đây, chúng ta sẽ được biết các chức năng khác của câu.

cảnh giao tiếp cụ thể để cho một thông tin cụ thể thì câu không phải là đơn vị sẵn có và về nguyên tắc là không xuất hiện hai lần giống hệt nhau. Ví dụ câu cụ thể : *Mặt trời mọc.* về nguyên tắc không phải là cùng một câu khi xuất hiện trong vô số những lời nói, những văn bản, những diễn ngôn khác nhau. Thứ hai, xét về mặt cách thức kết hợp, xét về kiểu loại, công thức thì rất nhiều câu cụ thể lại cùng thuộc một kết cấu đồng nhất. Ví dụ các câu cụ thể :

- *Mặt trời mọc đằng đông.*
- *Ô tô chạy ngoài đường.*
- *Chim bay trên đỉnh núi.*
- *Cá lặn dưới bèo.*
- *Đứa bé nấp sau đồng cỏ.*

...

có cùng kết cấu như sau :

Chủ ngữ (*Mặt trời ; Ô tô ; Chim ; Cá ; Đứa bé*) + vị ngữ (*mọc ; chạy ; bay ; lặn ; nấp*) + trạng ngữ (*đằng đông ; ngoài đường ; trên đỉnh núi ; dưới bèo ; sau đồng cỏ*).

Chỉ những kết cấu như vậy mới thực sự là đơn vị của cấp độ câu.

Cấp độ câu là đối tượng của cú pháp học. Thật ra trong cú pháp học không phải chỉ nghiên cứu một loại yếu tố là câu, mà như nhiều tài liệu ngôn ngữ học đã đề cập đến, còn có cả các *cụm từ*. Song, cụm từ không phải có chức năng thông báo như câu. Các cụm từ không có một chức năng riêng, đặc thù trong hệ thống các cấp độ (tầng bậc) ngôn ngữ. Các cụm từ (hiểu theo quan niệm là cụm từ chính phụ – xem chi tiết ở mục II) có thể coi như là dạng phát triển của một thực từ, do đó cũng như từ, cụm từ có chức năng

832.832  
188.188  
228.228

biểu vật và biểu niệm, tất nhiên ở mức độ cụ thể hơn, chi tiết hơn ở từ.

*Cú pháp* là đối tượng của cú pháp học. Cú pháp học có nhiệm vụ nghiên cứu cơ cấu tổ chức của cụm từ và của câu : các thành phần cấu tạo cũng như các kiểu cấu tạo của chúng.

Bốn cấp độ trên là bốn cấp độ thuộc hệ thống (cấu trúc) ngôn ngữ.

Trên cấp độ câu có còn cấp độ nào nữa không ? Đã một thời gian dài trong ngôn ngữ học tồn tại một quan niệm rằng câu là đơn vị cao nhất, tốt cùng của hệ thống ngôn ngữ. Nhưng với sự ra đời của ngôn ngữ học văn bản, đang ngày càng được khẳng định rằng ở trên câu còn có văn bản. Và chính văn bản mới là đơn vị có thể hoàn thành trọn vẹn nhất chức năng tư duy và giao tiếp của ngôn ngữ. Trong tài liệu này sẽ dành một phần riêng nói về lãnh vực ngôn ngữ trên câu này.

3. Sau khi đã nhìn một cách tổng quát toàn bộ hệ thống ngôn ngữ với những cấp độ cơ bản của nó, chúng ta đi vào địa hạt *ngữ pháp* của ngôn ngữ.

Trước hết, ngữ pháp là gì ?

Thuật ngữ này cũng như nhiều thuật ngữ khác của khoa học thường có hai nghĩa : chỉ bản thân đối tượng tồn tại trong thực tế khách quan và chỉ ngành khoa học nghiên cứu về đối tượng ấy. Với nghĩa thứ hai, ở dạng đầy đủ, nó được gọi là *ngữ pháp học*.

Trong truyền thống ngôn ngữ học, ngữ pháp được hiểu là toàn bộ những quy tắc cấu tạo từ và những quy tắc cấu tạo câu của một ngôn ngữ. Những quy tắc này hình thành một cách tự nhiên trong



lịch sử hình thành và phát triển của một ngôn ngữ và tồn tại một cách khách quan trong hệ thống ngôn ngữ đó.

Song quy tắc cấu tạo nên một đơn vị nào đó lại liên quan đến rất nhiều phương diện khác nhau. Chẳng hạn, quy tắc cấu tạo từ không thể không có quan hệ đến các phương tiện và chất liệu cấu tạo (các hình vị, như trên đây đã nói tới), đến phương thức cấu tạo, đến quan hệ giữa các thành tố cấu tạo nên từ... Quy tắc cấu tạo câu không thể không quan hệ đến bản thân các từ (xét về mặt loại), đến quan hệ giữa các từ và vai trò của các từ khi phối hợp với nhau để tạo câu (vấn đề thành phần câu), đến phương thức để tổ chức các từ thành những nhóm từ rồi thành câu, đến các kiểu câu xét theo thành phần cấu tạo, cũng như xét theo mục đích phát ngôn ... Tất cả những vấn đề ấy đều thuộc về lĩnh vực ngữ pháp của ngôn ngữ và đều là đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp học.

Nói đến các quy tắc cấu tạo từ và các quy tắc cấu tạo câu không phải là nói đến một từ hay một câu cụ thể nào. Các quy tắc này là những quy tắc chung cho tất cả các từ, tất cả các câu của một ngôn ngữ, hoặc cho mọi từ, mọi câu thuộc về một kiểu loại nhất định. Do đó mà ngữ pháp có tính khái quát cao. Trong mỗi một ngôn ngữ, số lượng của các từ là vô cùng lớn, mỗi một từ lại có một bộ phận mặt âm thanh riêng và một nội dung ý nghĩa có phần riêng biệt, cụ thể. Số lượng các câu là vô hạn, hơn nữa chúng lại luôn luôn được sản sinh ra ở mọi nơi, mọi lúc có quá trình giao tiếp. Mỗi một câu chứa đựng một số lượng từ ngữ cụ thể và một ý nghĩa cụ thể, có phần riêng biệt. Song tất cả các từ và các câu ấy vẫn hình thành trên cơ sở của các quy tắc chung và ngược lại chính các quy tắc chung này chi phối việc cấu tạo các từ và các câu cụ thể.

So với các yếu tố thuộc lãnh vực ngữ âm hay lãnh vực từ vựng, thì ngữ pháp còn có tính toàn dân và tính bền vững, ổn định ở mức độ cao hơn. Các âm thanh của một ngôn ngữ có thể chịu nhiều biến đổi qua giọng nói của từng người, của từng địa phương, có thể có thay đổi rõ rệt qua từng thời kì lịch sử ; Các từ của một ngôn ngữ luôn luôn biến động (các từ cũ có thể mất đi, hoặc có thêm nghĩa mới, các từ mới nảy sinh), và chúng còn có thể được sử dụng theo các màu sắc cá nhân hay phong cách rõ rệt. Trong khi đó các quy tắc ngữ pháp lại có tính ổn định hơn và có tính bắt buộc cao đối với các thành viên của một cộng đồng ngôn ngữ. Bằng chứng đơn giản là khi tiếp xúc với các văn bản thuộc thời kì lịch sử đã qua, hoặc một văn bản mang màu sắc địa phương, nghề nghiệp, chúng ta luôn luôn gặp thấy những ghi chú về âm thanh của từ, về ý nghĩa của các từ cổ, các từ địa phương, các từ nghề nghiệp... và chẳng mấy khi gặp thấy chú thích về các hiện tượng ngữ pháp hay quy tắc ngữ pháp.

Tóm lại, ngữ pháp theo cách quan niệm trong truyền thống ngôn ngữ học là một hệ thống các quy tắc cấu tạo từ và cấu tạo câu. Nó có tính khái quát, tính toàn dân và tính ổn định cao. Hơn nữa với cách quan niệm như vậy, các quy tắc ngữ pháp thuộc về khá nhiều cấp độ ngôn ngữ : cấp độ hình vị, cấp độ từ và cấp độ câu. Còn về lãnh vực trên câu cũng đã và đang hình thành một quan niệm mới : ngữ pháp văn bản. Như đã nói, ngữ pháp thuộc lãnh vực trên câu sẽ được trình bày ở mục riêng thuộc chương II.

## II – NGỮ PHÁP HỌC VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA NÓ

Ngữ pháp học là một bộ phận của ngôn ngữ học. Cũng như các phân ngành ngôn ngữ học khác, ngữ pháp học có thể khảo sát